

Bản án số: 30/2024/HS-ST

Ngày: 08-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp

Thẩm phán: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu

Ông Nguyễn Minh Trung

Ông Chung Nguyễn Hữu Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thuý Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh ngày 05 tháng 7 năm 1995 tại Thanh Hoá. Nơi cư trú: Khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

Ngày 23/11/2011 bị UBND thị xã S, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định XPHC số 2593, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường G1-thị xã T, tỉnh Ninh Bình trong thời hạn 24 tháng về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, C bỏ trốn thi hành Quyết định đến ngày 22/12/2011 thì bị bắt đưa vào Trường G1-thị xã T, tỉnh Ninh Bình, chấp hành xong ngày 24/10/2013;

Ngày 22/12/2011 thực hiện hành vi trộm cắp xe Dream BKS 35P5-9628 trị giá 09 triệu đồng; tại Bản án số 14/2012/HSST ngày 21/3/2012 của TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 09/5/2014 và đã nộp án phí;

Tại Bản án số 16/2015/HSST ngày 07/5/2015 của TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2016 và đã nộp án phí;

Ngoài ra, khoảng tháng 01/2021, C có hành vi “Chiếm giữ trái phép tài sản” (nhận 130.000.000đ từ người khác chuyển nhằm nhưng chiếm đoạt, không trả lại); ngày 25/01/2024 bị Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa khởi tố về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”; đến nay hồ sơ đã chuyển TAND thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa để xét xử về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”;

Bị bắt, tạm giam ngày 29/01/2024. Bị cáo có mặt tại phiên toà

**Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Bùi Văn D, sinh năm 1983 - Luật sư, Văn phòng Luật sư Phạm Quang B, địa chỉ: Số A, P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

**Bị hại:* Ông Hà Văn C1, sinh năm 1998; nơi thường trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Có mặt

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn G, sinh năm 1982; nơi thường trú: tổ B, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Có mặt
2. Ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 2001; nơi thường trú: khu phố A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt
3. Ông Hà Vũ T, Sinh năm 1995; nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt
4. Ông Đỗ Hữu L, sinh năm 1995; nơi thường trú: Thôn G, xã L, huyện P, Bình Phước. Vắng mặt
5. Ông Đỗ Hữu B1, sinh năm 1968; nơi thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt
6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; nơi thường trú: Tổ dân phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt
7. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C và Hà Văn C1 quen biết nhau thông qua chơi game online “Liên quân”. Ngày 09/3/2023, C rủ C1 đi chơi tại thành phố V thì C1 đồng ý. C nói C1 thuê xe ô tô tự lái để đi chơi. Trước khi đi chơi thì cả hai cùng thống nhất là C1 biết có người cho thuê xe ô tô tự lái nên sẽ đi thuê, còn C sẽ trả tiền thuê xe. Cùng ngày, C1 đến gặp ông Phạm Văn G, SN 1982, thường trú: tổ B, khu

phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để thuê xe ô tô tự lái đi chơi ở Vũng Tàu thì ông G đồng ý cho C1 thuê xe ô tô nhãn hiệu Honda City màu trắng loại 04 chỗ, biển kiểm soát 93A-337.79. Hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái trong thời hạn 02 ngày (09, 10/3/2023) với giá 1.300.000đồng/1 ngày, C1 trả trước 1.000.000^d và ông G đưa cho C1 chìa khóa xe và để sẵn trong hộp xe 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe (bản công chứng), 01 sổ đăng kiểm và 01 giấy bảo hiểm (bản gốc). Sau khi nhận xe, C1 điều khiển xe chở C và người bạn của C tên H1 và bạn gái của H1 (không rõ nhân thân, lai lịch) đến thành phố V chơi. Đến ngày 10/3/2023, tất cả quay về thành phố Đ thì C nói C1 gia hạn thuê xe thêm 03 ngày và giao xe ô tô để C làm phương tiện đi công việc, C sẽ trả tiền thuê xe đầy đủ và cam kết sẽ trả lại xe đúng hạn thì C1 đồng ý giao xe và chìa khóa xe cho C1, các giấy tờ còn lại vẫn để trong cốp xe ô tô. C sử dụng xe ô tô đến ngày 11/3/2023, do cần tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định cầm cố xe trên để vay tiền của người khác.

Để thực hiện ý định, thông qua giới thiệu của Nguyễn Tiến Q, SN 2001, trú tại: khu phố A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và Hà Vũ T, SN 1995, trú tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, C đã chạy xe ô tô trên đến liên hệ với Đỗ Hữu L, SN 1994, thường trú: Thôn G, xã L, huyện P, Bình Phước và nói dối xe này là tài sản của C muốn cầm cố để vay 150.000.000^d trong thời gian ngắn sẽ chuộc lại. Do C nói quên mang theo giấy tờ xe, hứa hẹn vài ngày sau sẽ giao giấy tờ xe cho L thì L đồng ý nhận cầm cố xe trên cho C vay 100.000.000^d với lãi suất 1.000.000^d/100.000.000^d/1 ngày (tương đương với 30%/1 tháng) và không viết giấy tờ vay. L đưa cho C số tiền 90.000.000đồng (trừ 10.000.000đồng tiền lãi); C giao xe và chìa khóa xe cho anh L. C đã tiêu xài toàn bộ số tiền trên. Còn anh L đưa xe trên gửi tại nhà cha ruột là ông Đỗ Hữu B1, SN 1968, trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước [BL 152-163; 197-198].

Khi ông G yêu cầu C1 trả lại xe thì C1 liên lạc yêu cầu C trả xe. Tuy nhiên, do C đã cầm cố xe ô tô trên để vay tiền tiêu xài hết, nên đã bỏ trốn sang Campuchia làm thuê cho một công ty (không rõ địa chỉ), cắt đứt liên lạc với C1. Do đã nhiều lần yêu cầu C1 trả lại xe ô tô nhưng C1 không trả, nên ông G gửi đơn tố C1 và C có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra. Ngày 25/01/2024, C đến Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án [BL 01-32; 180-196].

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã thu giữ của ông L 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda City RS loại 05 chỗ màu trắng, biển số 93A-337.79; số khung: RLHGN2681NY104577; số máy: L17ZC2005241. Xét thấy xe trên là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn G nên ngày 30/10/2023, Cơ quan CSĐT ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông G [BL 124-131].

Kết luận định giá tài sản số 3027 ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Bình Phước: Giá trị xe ô tô nhãn hiệu Honda City

màu trắng, biển kiểm soát: 93A-337.79 tại thời điểm chiếm đoạt là 530.000.000 đồng [BL 51-71].

Kết luận giám định số 1045 ngày 16/10/20243 của Phòng KTHS Công an tỉnh B xe xe ô tô nhãn hiệu Honda City màu trắng, biển kiểm soát: 93A-337.79 có số máy, số khung không thay đổi [BL 122-123]

* Về trách nhiệm dân sự: Ông G yêu cầu C phải bồi thường thiệt hại tiền thuê xe ô tô trong thời gian bị chiếm đoạt là 65.000.000 đồng. Bị can C tác động cha ruột là ông Nguyễn Văn H, SN 1972, trú tại : Tổ dân phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa tự nguyện bồi thường khắc phục cho ông G số tiền 65.000.000 đồng; bồi thường khắc phục cho L số tiền 90.000.000 đồng; ông G, ông L, C1 không có yêu cầu gì và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho C [BL 199-204].

Cáo trạng số 22/CT-VKSBP-P2 ngày 30/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn C tại Cáo trạng số 22/CT-VKSBP-P2 ngày 30/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Về tội danh, hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức hình phạt tù 12 đến 13 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin lỗi gia đình bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, vật chứng, cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Ngày 09/3/2023, ông Hà Văn C1 thuê xe ô tô nhãn hiệu Honda City RS màu trắng, biển kiểm soát 93A-337.79 của ông Phạm Văn G để tự lái đi chơi cùng Nguyễn Văn C. Ngày 11/3/2023, khi đang ở thành phố Đ, C mượn lại xe này từ ông C1, cam kết sẽ trả lại xe đúng hạn và trả đầy đủ tiền thuê xe nên ông C1 đồng ý giao xe cho C. Sau khi mượn được xe, do cần tiền tiêu xài cá nhân, C đã cầm cố xe 93A-337.79 cho ông Đỗ Hữu L để vay số tiền 100.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết rồi bỏ trốn, cắt đứt liên lạc, chiếm đoạt xe của người quản lý hợp pháp là ông C1. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố.

[3] Xét bị cáo hoàn toàn ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại đang thuê để sử dụng. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an toàn xã hội, do đó cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt bằng hình phạt tù trong thời gian dài tương xứng với hành vi phạm tội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với Hà Văn C1 là người thuê xe của ông G sau đó đưa cho C mượn. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội thì C không bàn bạc, thỏa thuận với C1; C1 không được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của C nên C1 không đồng phạm với C trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Tiến Q và Hà Vũ T là người được C nhờ chỉ chỗ nhận cầm cố xe ô tô. Khi C nhờ chỉ người cầm cố xe ô tô thì C nói dối xe ô tô là của gia đình C. Q và T không tham gia bàn bạc, trao đổi với C và L về việc cầm cố xe, không biết mục đích của C và không được hưởng lợi ích gì nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Q và T.

Đối với Đỗ Hữu L do tin tưởng lời C nói xe ô tô biển kiểm soát 93A-337.79 là của C, C hứa hẹn 3-4 ngày sau sẽ đưa giấy tờ xe, không biết đây là tài sản của người khác nên đã đồng ý nhận cầm cố cho vay tiền, nên cũng không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Đỗ Hữu L.

[4] Đối với ông Đỗ Hữu B1 (là cha của Đỗ Hữu L) cho Đỗ Hữu L gửi xe nhưng không biết xe có nguồn gốc phạm tội nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông B1.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn xin bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, được xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động bố mẹ là ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị M bồi thường cho chủ xe là ông Phạm Văn G 65.000.000 đồng; trả tiền vay của ông Đỗ Hữu L 90.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông G và ông L không yêu cầu bồi thường gì thêm; ông H và bà M không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền mình đã bồi thường cho ông G và ông L. Xét thấy, về phân trách nhiệm và nghĩa vụ dân sự bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện thoả thuận giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng điều luật và đề nghị mức án xử phạt bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/01/2024. Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

- Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người liên quan có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết Bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND CC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- CQCSĐT - CA tỉnh Bình Phước;
- CQTHAHS - CA tỉnh Bình Phước;
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước;
- Lưu: THCTP; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tiến Hiệp